

Số: /TB-UBND

Vĩnh Lộc, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPCP ngày 16/9/2024 Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền mặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 12/3/2025; Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định: Số 759/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Lộc về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để bán đấu giá như sau:

I. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

1. Cơ quan có tài sản đấu giá

- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc.
- Địa chỉ: Đường Trịnh Khả, Khu 3, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Điện thoại: 02373.870.002.

2 Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc.
- Địa chỉ: Đường Trịnh Khả, Khu 3, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Số điện thoại: 02373.870.015.

II. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

1. Tên tài sản, số lượng, tình trạng tài sản

Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

1.1. Tài sản là: (Điện thoại di động, mở lết, đèn pin gọi đầu), cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản
1	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1	Cái	01	Màu vàng, màn hình bị vỡ nứt, nhiều trầy xước, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản
2	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3	Cái	01	Màu hồng, màn hình bị vỡ, nứt, nhiều trầy xước, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng
3	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6	Cái	01	Màu vàng điện thoại cũ, đã qua sử dụng
4	01(một) điện thoại SAMSUNG galaxy	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
5	01(một) mỏ lết	Cái	01	Bằng kim loại màu nâu, ký hiệu 375mm MEINFA
6	01(một) mỏ lết	Cái	01	Bằng kim loại có ký hiệu 15JINWANG
7	01(một) đèn pin gọi đầu	Cái	01	Cũ, đã qua sử dụng
8	01(một) chiếc điện thoại OPPO	Cái	01	Màu đỏ, đã qua sử dụng
9	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA	Cái	01	Màu đen, loại bàn phím, điện thoại cũ đã qua sử dụng
10	01(một) cân tiểu ly	Cái	01	Màu đen, nắp nhựa, đã qua sử dụng
11	01(một) điện thoại di động Iphone 7 plus	Cái	01	Màu hồng, điện thoại đã qua sử dụng
12	01(một) điện thoại di động Iphone 11Pro	Cái	01	Điện thoại đã qua sử dụng
13	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO	Cái	01	Vỡ màn hình đã qua sử dụng
14	01(một) điện thoại di động Iphone 7 Plus	Cái	01	Màu vàng, đã qua sử dụng
15	01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S	Cái	01	Màu hồng, không lắp sim, điện thoại đã qua sử dụng
16	01(một) điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9	Cái	01	Màu trắng, đã qua sử dụng
17	01(một) điện thoại di động Samsung Galaxy M40	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
18	01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản
19	01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92	Cái	01	Màu đen, đã qua sử dụng
20	01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
21	01(một) điện thoại di động OPPO Reno 5	Cái	01	Màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng
22	01(một) điện thoại di động Iphone 6S	Cái	01	Màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng
23	01(một) điện thoại Iphone XSMax	Cái	01	Màu vàng, bị vỡ màn hình máy, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong
24	01(một) điện thoại Iphone 11 promax	Cái	01	Màu đen, đã qua sử dụng
25	01(một) điện thoại Iphone 11	Cái	01	Màu trắng, bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong
26	01(một) điện thoại di động Iphone 14 Promax	Cái	01	Màu tím, đã qua sử dụng
27	01(một) điện thoại di động Iphone XS Max	Cái	01	Màu vàng Gold, vỡ mặt lưng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong
28	01(một) điện thoại Iphone 6 Plus	Cái	01	Màu vàng, đã qua sử dụng
29	01(một) chiếc điện thoại di động OPPO A5	Cái	01	Màu trắng, đã qua sử dụng
30	01(một) điện thoại di động VIVO 1906	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
31	01(một) điện thoại di động IPHONE XS	Cái	01	Màu vàng, vỡ màn hình, vỡ mặt lưng, đã qua sử dụng
32	01(một) điện thoại di động Iphone 8	Cái	01	Màu trắng, đã qua sử dụng
33	01 (một) Điện thoại Redmi Note 10 Pro	Cái	01	Cũ, đã qua sử dụng

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản
34	01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 13 pro max	Cái	01	Màu xanh, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong
35	01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 3	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong
36	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
37	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S	Cái	01	Màu đen, đã qua sử dụng
38	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
39	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105	Cái	01	Màu xanh, đã qua sử dụng
40	01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S	Cái	01	Màu đen, đã qua sử dụng
TỔNG CỘNG			40	

1.2. Tài sản là phương tiện (Xe máy), cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản
1	01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, BKS 36L6-096.86	Chiếc	01	Loại Exciter BKS 36L6-096.86, màu đỏ đen, xe đã qua sử dụng cũ
2	01(một) chiếc xe mô tô YAMAHA Nouvo, BKS 30Y4-3916	Chiếc	01	Loại Nouvo BKS 30Y4-3916, Màu bạc, nâu, xe không có đăng ký xe, đã qua sử dụng
3	01(một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 36L1-27166	Chiếc	01	Loại xe Wave Alpha, BKS 36L1-27166, màu đen, xe không có yếm, xe không có gương bên trái và bên phải, yên xe bị rách, tình trạng xe cũ
4	01(một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, BKS 36H6-3784	Chiếc	01	Loại xe Angel, BKS 36H6-3784, Xe không có chìa khoá, không có đăng ký xe, mặt nạ đầu xe, yếm xe vỡ được buộc bằng dây thép, các bộ phận của xe hoen gỉ, đã qua sử dụng
TỔNG CỘNG			04	

2. Địa điểm: Tại UBND huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và các tiêu chí khác do Bên có tài sản đấu giá quyết định, cụ thể như sau:

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú:

(1). Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.

(2). Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

(3). Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

(4). Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

(5). Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

(6). Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

4. Phương pháp đánh giá để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Việc đánh giá dựa trên bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản tại mục 3 và dựa trên Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024

của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15. Tổ chức đấu giá tài sản được chọn là tổ chức có tổng điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ 2 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có cùng tổng điểm cao nhất bằng nhau thì UBND huyện Vĩnh Lộc xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức đấu giá tài sản đăng ký thì UBND huyện Vĩnh Lộc xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá Tài sản, Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp và pháp luật có liên quan.

- Giải quyết kiến nghị, thắc mắc: Căn cứ theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

5. Thời gian thực hiện đấu giá: Từ tháng 5 năm 2025.

6. Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá

- Được quy định tại Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá Tài sản, nhưng phải là mức phí thấp nhất trong các Tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tham gia.

- Trường hợp cuộc đấu giá tài sản không thành, tổ chức đấu giá được thanh toán chi phí đấu giá theo khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và Hợp đồng dịch vụ giữa Đơn vị có tài sản và tổ chức đấu giá tài sản.

7. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (**bản chính**) kèm theo phương án đấu giá.

- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực, hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, chứng minh năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản và các hồ sơ khác tương ứng với các tiêu chí tại Mục 3 Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức thực hiện việc đấu giá tài sản

Thời gian nhận hồ sơ: Bắt đầu từ ngày 22 tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 24 tháng 4 năm 2025 (Hồ sơ gửi trực tiếp vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ (gồm: 01 bản chính và 02 bản phô tô).

Hồ sơ nộp về Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Vĩnh Lộc
(Bà: Nguyễn Thị Ngọc Anh - Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Điện thoại: 0946781486).

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân; UBND huyện Vĩnh Lộc không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

- Trong thời hạn 03 ngày (ba ngày) làm việc kể từ ngày có kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, UBND huyện Vĩnh Lộc sẽ thông báo công khai kết quả lựa chọn trên trang thông tin điện tử huyện Vĩnh Lộc và Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản.

- UBND huyện Vĩnh Lộc thông báo đến các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp biết. Rất mong nhận được sự hợp tác của các Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin đấu giá tài sản Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Phòng Văn hóa, khoa học và Thông tin (để Đăng trên website của UBND huyện);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quốc Thành